

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2024/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 21/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987; vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

ĐKTT: Thôn Nhân Hiền, xã Thanh Quang, Thanh Hà, Hải Dương.

Hiện ở: Thôn Song Động, xã Tân An, Thanh Hà, Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1982; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã T, T, Hải Dương.

*** Người làm chứng:**

- Bà Lê Thị H1, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị H kết hôn với anh Đ vào ngày 13/8/2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND**

xã H (nay là xã T), huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về lối sống, suy nghĩ, tính cách không hợp nhau; anh Đ mải chơi, không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 5/2024 chị H đã bỏ về nhà đẻ ở hẳn và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện chị xác định không còn tình cảm gì với anh Đ nên đề nghị TAND huyện Thanh Hà giải quyết cho anh ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Lê Văn Đ1, sinh ngày 31/5/2015 và Lê Thị Diễm Q, sinh ngày 20/9/2017. Hai con hiện đều đang ở với chị và bà ngoại. Nghề nghiệp của chị là công nhân, thu nhập trung bình một tháng là 10 triệu đồng. Khi ly hôn chị xin nuôi cả hai con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mức 2 triệu đồng/1 con/ tháng (tổng hai con là 4 triệu đồng/tháng).

Về tài sản, công sức, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

* Cháu Lê Văn Đ1 và cháu Lê Thị Diễm Q (là con chung của chị H, anh Đ) đều ý kiến xin ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

* Lời khai của người làm chứng bà Lê Thị H1 (mẹ đẻ chị H) cũng như kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị H, anh Đ nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị H trình bày nêu trên. Vợ chồng chị H đã sống ly thân từ nhiều tháng nay. Nếu vợ chồng chị H ly hôn nhau, đề nghị giao con chung cho chị H nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho con chung. Bà H1 còn trình bày bà sẽ tạo điều kiện để mẹ con chị H có chỗ ở ổn định và sẽ hỗ trợ chị H chăm sóc cháu Đ1, cháu D. Ngoài ra UBND xã T còn cung cấp mức thu nhập trung bình của người dân lao động chân tay tại địa phương hiện nay là 207.000đ/ngày.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử chị H ly hôn với anh Đ. Về con chung: Giao hai con chung là Lê Văn Đ1,

sinh ngày 31/5/2015 và Lê Thị Diễm Q, sinh ngày 20/9/2017 cho chị H nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên. Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mức 2 triệu đồng/tháng/1 con, tổng tiền cấp dưỡng cho hai con là 4 triệu đồng/tháng. Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó họ đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H, anh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã T), huyện T, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc. Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H, anh Đ chỉ chung sống hạnh phúc trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, anh Đ mãi chơi, chưa tu chí làm ăn nên vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng chị H đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Anh Đ không đến Tòa án làm việc cũng như không đến tham gia hoà giải, điều đó thể hiện bị đơn không thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh Đ nên kiên quyết xin ly hôn với anh Đ. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị H ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng chị H, anh Đ có 02 con chung là Lê Văn Đ1, sinh ngày 31/5/2015 và Lê Thị Diễm Q, sinh ngày 20/9/2017. Xét từ khi vợ chồng ly thân đến nay, hai con chung đều ở với chị H. Chị H xin nuôi cả hai con chung, hai con đều có nguyện vọng ở với mẹ. Chị H là công nhân, có việc làm và thu nhập ổn định, lại được gia đình tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ chi chăm sóc nuôi con. Anh Đ không có quan điểm xin nuôi con nào. Địa phương cũng ý kiến nếu giao con cho chị H nuôi thì quyền lợi của con chung sẽ được đảm bảo hơn. Vì

vậy cần giao cả hai con chung cho chị H nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật, vừa đảm bảo được quyền lợi của con chung khi có bố mẹ ly hôn nhau.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mức 2 triệu đồng/tháng/1 con. Do đến nay chị H và anh Đ không thống nhất với nhau về mức và phương thức cấp dưỡng, nên Tòa án sẽ xem xét yêu cầu về cấp dưỡng của chị H theo quy định pháp luật. Xét anh H là lao động tự do, theo UBND xã T cung cấp mức thu nhập trung bình của người dân lao động chân tay tại địa phương hiện nay là 207.000đ/ngày (tức 6.210.000đ/tháng). Tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết 01 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định: “*Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*”. Anh Đ cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Theo Nghị định 74 ngày 30/6/2024 của Chính Phủ thì huyện T, tỉnh Hải Dương thuộc vùng 3, có thu nhập tối thiểu vùng là 3.860.000đ/tháng nên mức cấp dưỡng nuôi con tối thiểu trong vụ án này không được thấp hơn 1.930.000đ/1 con/tháng). Như vậy mức cấp dưỡng mà chị H đưa ra là phù hợp với quy định nêu trên của pháp luật, được HĐXX chấp nhận.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết 01 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Nghị định 74 ngày 30/6/2024 của Chính Phủ. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phạm Thị H ly hôn anh Lê Văn Đ.
2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Lê Văn Đ1, sinh ngày 31/5/2015 và Lê Thị Diễm Q, sinh ngày 20/9/2017 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000đ

(hai triệu đồng)/tháng/1 con (tổng cấp dưỡng cho hai con là 4.000.000đ/tháng), kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005937 ngày 24/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị H đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí. Anh Lê Văn Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung